

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 11 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Tãi

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày: Bà và ông Đỗ Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Bà và ông T đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được, càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 07 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Hoàng H (nam), sinh ngày 07/01/1997, Đỗ Hoàng L (nam), sinh ngày 30/9/2001, Đỗ Hoàng G (nam), sinh ngày 06/8/2007. Cháu H hiện đang sống với bà X, còn cháu L và cháu Giang hiện đang sống với ông T. Về con chung bà X đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu L và Giang, đối với cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Có 03 con chung tên Đỗ Hoàng H (nam), sinh ngày 07/01/1997, Đỗ Hoàng L (nam), sinh ngày 30/9/2001, Đỗ Hoàng G (nam), sinh ngày 06/8/2007. Cháu H hiện đang sống với bà X, còn cháu L và cháu G hiện đang sống với ông T. Về con chung ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu L và G, không yêu cầu cấp dưỡng, đối với cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Đỗ Văn T; Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗ Hoàng L (nam), sinh ngày 30/9/2001, Đỗ Hoàng G (nam), sinh ngày 06/8/2007 cho ông T nuôi dưỡng, bà X không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Lê Thị X và ông Đỗ Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống, giữa bà X, ông T phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 13/7/2018, bà X nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân, giữa bà X, ông T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà X, ông T phát sinh mâu thuẫn. Bà X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, ông T thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập bà. Ông T cũng thống nhất là vợ chồng thường xảy ra xung đột, mâu thuẫn về quan điểm sống, không ai chịu nhường nhịn nên cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp. Bà X, ông T đã cố gắng giải quyết nhưng không được, do sự bất đồng giữa hai bên quá lớn, bà X và ông T đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý. Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, bà X xác định không còn tình cảm với ông T nên cương quyết ly hôn. Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy mâu thuẫn giữa bà X, ông T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ

chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X. Về con chung: Ông T và bà X thống nhất giao con chung cho ông T nuôi dưỡng nên ghi nhận. Tiếp tục giao cháu Đỗ Hoàng Lực (nam), sinh ngày 30/9/2001, Đỗ Hoàng Giang (nam), sinh ngày 06/8/2007 cho ông T nuôi dưỡng, bà X không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà X cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗ Hoàng L (nam), sinh ngày 30/9/2001, Đỗ Hoàng G (nam), sinh ngày 06/8/2007 cho ông T nuôi dưỡng, bà X không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà X có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai số 0014828 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà X đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND TT. Cái Tắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính